

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 20/9/2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Phạm Thị Lan

2/ Ông Đặng Bên

- Thư ký Tòa án: Bà Nguyễn Thị Lân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Tấn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2017/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 7 năm 2017 “Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/9/2017, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2017/QĐST-HNGĐ ngày 16/9/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1983 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố 4, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở hiện nay: Xóm 8, thôn Đ, xã Bình D, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 19, đường Võ Thị Đ, tổ dân phố 4, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2017 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện B, chị Phan Thị T (Nguyên đơn) trình bày:

Chị T và anh Nguyễn Văn H qua thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau và được hai bên gia đình thống nhất tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C vào ngày 04/11/2010.

Trong thời gian chung sống thì anh Nguyễn Văn H đã lâm vào số đề, cờ bạc, nhiều lúc chị khuyên ren nhưng anh không nghe và luôn đánh đập chị khiến chị không thể nào sống được và chị đã quyết định ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 14/2011/QĐST-HNGĐ, ngày 25/11/2011 của Tòa án nhân dân huyện B.

Sau khi ly hôn được một năm thì anh Nguyễn Văn H có xuống xin lỗi và anh hứa sẽ thay đổi và làm lại từ đầu nên vì con chị đã chấp nhận quay lại sống với anh H. Quá trình về sống lại với nhau, chị và anh Nguyễn Văn H cũng đã đăng ký kết hôn lại vào ngày 04/03/2015 tại UBND thị trấn C. Sau một thời gian về sống lại thì anh Nguyễn Văn H vẫn chứng nào tật nấy và luôn đánh đập chị rất dã man, cũng vì hai đứa con nên chị cũng cố gắng chịu đựng nhưng mãi đến hôm nay chị không thể chịu được sự vũ phu của anh H nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H để ổn định cuộc sống và sức khỏe của chị.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn H có 02 con chung là Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 15/03/2011 và Nguyễn Hoàng C, sinh ngày 11/03/2015. Khi ly hôn trong đơn khởi kiện chị yêu cầu nuôi cả hai con nhưng tại phiên hòa giải chị thay đổi yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Hoàng C, sinh ngày 11/03/2015 và giao cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 15/03/2011 cho anh H chăm sóc và nuôi dưỡng vì điều kiện kinh tế của chị hiện nay không có công việc ổn định, không có khả năng nuôi cả hai con, cháu C hiện nay còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của mẹ, còn cháu T có thể tự lo được những sinh hoạt cho bản thân, chị không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn vào ngày 04/8/2017, chị và anh H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Ngoài ra, chị không yêu cầu gì thêm./.

Tại bản tự khai ngày 04/8/2017 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện B, anh Nguyễn Văn H (Bị đơn) trình bày:

Anh thống nhất về quá trình tìm hiểu, tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn, con chung như chị T trình bày. Sau khi kết hôn lần thứ 2 thì vợ chồng sống chung với nhau xảy ra nhiều mâu thuẫn với lý do chị T không có trách nhiệm với gia đình và con cái. Anh có nói nhiều lần nhưng chị T không nghe và đòi ly dị nhiều lần, đôi lúc anh tức giận có tát chị T vài tai. Sau đó chị T bỏ về nhà mẹ đẻ rồi làm đơn gởi đến Tòa xin được ly hôn anh. Bản thân anh không muốn ly hôn nhưng nếu như chị T cương quyết thì anh cũng đồng ý vì giữa anh và chị T sống với nhau không có hạnh phúc, thời gian kéo dài khiến anh cũng rất mệt mỏi.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung như chị T trình bày trên, khi ly hôn về con chung thì một là anh yêu cầu Tòa giải quyết cho anh được nuôi hai con là cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 15/03/2011 và Nguyễn Hoàng C, sinh ngày 11/03/2015, không yêu cầu chị T cấp dưỡng hoặc anh giao hai cháu cho chị T chăm sóc và nuôi dưỡng anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.
Ngoài ra, anh không trình bày gì thêm.

Ý kiến của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chấp hành không đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự

Việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đại diện Viện kiểm sát thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị Phan Thị Trang được ly hôn anh Nguyễn Văn Hạnh .

Về quan hệ con chung: Xét thấy điều kiện của hai bên đều khó khăn, công việc và thu nhập không ổn định, cháu Nguyễn Hoàng C dưới 36 tháng tuổi, cháu T hiện nay có thể lo cho bản thân với những sinh hoạt tối thiểu nên để đảm bảo cho hai con chung được phát triển bình thường đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Nguyễn Hoàng C, sinh ngày 11/03/2015 cho chị T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 15/03/2011 cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung: Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản khi ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ việc giải quyết với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Kiến nghị: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của chị T thì Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 “về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Phan Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn lần 2 tại UBND thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 04/3/2015 là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng theo lời trình bày của chị T và anh H cho thấy giữa hai bên đã kết hôn năm 2010, sau đó ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện B theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 14/2011/QĐST-HNGĐ ngày 25/11/2011. Tuy nhiên sau khi ly hôn hai bên quyết định quay lại với nhau và đăng ký kết hôn lần 2 năm 2015. Quá trình sống chung sau đăng ký kết hôn lần 2 cả hai xác định là không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau đôi lúc bức tức anh H có đánh chị T, hiện nay chị T

và anh H không còn sống chung với nhau, không quan tâm, chăm sóc, trách nhiệm vợ chồng với nhau và quá trình Tòa án làm việc với anh H, anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng như về tình nghĩa vợ chồng, về nghĩa vụ vợ chồng sống chung với nhau trong thời kỳ hôn nhân làm cho hôn nhân của chị T và anh H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận cho chị Phan Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

[3]. Về con chung: Giữa chị T và anh H có hai con chung là Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 15/03/2011 và Nguyễn Hoàng C, sinh ngày 11/03/2015, hiện nay cả hai cháu đang ở với chị T. Tại đơn khởi kiện chị T yêu cầu nuôi hai cháu, tuy nhiên tại phiên hòa giải chị yêu cầu nuôi cháu C vì chị cho rằng không có khả năng để nuôi hai cháu phát triển tốt, còn anh H thì yêu cầu nếu ly hôn anh được nuôi cả hai cháu, không yêu chị T cấp dưỡng hoặc giao cả hai cháu cho chị T nuôi dưỡng, anh không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Qua làm việc với UBND thị trấn C thì được biết cả anh H, chị T đều không có việc làm và thu nhập ổn định. Xét điều kiện kinh tế hai bên hiện nay chưa ổn định, cháu C tính đến nay chưa được 36 tháng tuổi nên để đảm bảo điều kiện cho sự phát triển của hai cháu cần giao cháu T cho anh H trực tiếp trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và giao cháu C cho chị T tiếp tục trực tiếp trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và không bên nào cấp dưỡng cho bên nào là phù hợp để chị T và anh H đều có trách nhiệm với con chung.

[4]. Về tài sản chung: Chị T có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản khi ly hôn nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu chia tài sản khi ly hôn. Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Không có.

[6]. Về án phí: Chị T chịu án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn).

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, 35, 147, 235, 241, 264 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Áp dụng Điều 56, 57 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận chị Phan Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2/ Về quan hệ con chung: Giữa chị T và anh H có hai con chung Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 15/03/2011 và Nguyễn Hoàng C, sinh ngày 11/03/2015

Giao cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 15/03/2011 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng

Giao cháu Nguyễn Hoàng C, sinh ngày 11/03/2015 cho chị Phan Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Chị T, anh H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên; cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của nguyên đơn. Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chị Phan Thị T có nghĩa vụ nộp sung công quỹ Nhà nước nhưng chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí 550.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0002302 ngày 27/7/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Quảng Ngãi nên được khấu trừ xong.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản khi ly hôn là 250.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0002302 ngày 27/7/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Quảng Ngãi

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND thị trấn C;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quốc Phong

